

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo
của Trường Đại học Thương mại**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 16 tháng 9 năm 2026 về việc thông qua Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo; Viện Đào tạo Sau đại học; Khoa, Viện quản lý ngành/chương trình đào tạo; các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đạo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng

QUY ĐỊNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-ĐHTM ngày 16 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) tại Trường Đại học Thương mại (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: quy định chung; chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, và ban hành chương trình đào tạo; phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; duy trì, tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; chế độ báo cáo, công khai và trách nhiệm giải trình; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với Phòng Quản lý đào tạo, Viện Đào tạo Sau đại học (sau đây gọi tắt là đơn vị đầu mối); các Khoa, Viện quản lý ngành/chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là đơn vị đào tạo); các đơn vị, cá nhân có liên quan trong và ngoài Trường.

3. Quy định này áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo do Trường tổ chức đào tạo và cấp bằng. Đối với riêng chương trình đào tạo song bằng quốc tế trình độ đại học, việc phát triển chương trình được thực hiện theo quy định riêng nhưng không trái với các yêu cầu chung của Quy định này.

4. Chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam và chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp văn bằng tại Việt Nam được xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo nước ngoài cấp văn bằng và quy định của pháp luật có liên quan nhưng yêu cầu đầu vào, chuẩn đầu ra, các yêu cầu chất lượng của chương trình đào tạo theo trình độ, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực không được thấp hơn chuẩn chương trình đào tạo tương ứng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cấu trúc chương trình đào tạo* là cách thức tổ chức và sắp xếp các thành phần của chương trình đào tạo thành các khối kiến thức, học phần và lộ trình học tập, bảo đảm sự liên kết phù hợp và khả năng tích lũy của người học.

2. *Thành phần chương trình đào tạo* là tập hợp các học phần được tổ chức theo khối kiến thức hoặc định hướng chuyên môn chung trong cấu trúc chương trình đào tạo.

3. *Học phần* hoặc *môn học* (sau đây gọi chung là *học phần*) là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ.

4. *Tín chỉ* là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

a) Một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, một (01) tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó, một (01) giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

5. *Chương trình đào tạo chuyên sâu* là chương trình đào tạo của một số ngành, lĩnh vực có khối lượng học tập, thời lượng thực hành, thực tập nhiều hơn so với chương trình đào tạo thông thường ở cùng trình độ nhằm đáp ứng định hướng đào tạo hoặc tiêu chuẩn nghề nghiệp, hành nghề đặc thù và không làm thay đổi trình độ đã xác định của chương trình đào tạo.

6. *Chương trình đào tạo tích hợp* là chương trình đào tạo được thiết kế thống nhất, tích hợp nội dung của 02 trình độ đào tạo liên kế, có tính liên thông và kế thừa giữa các trình độ, cho phép người học tích lũy và công nhận kết quả học tập để đạt chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo cuối cùng của chương trình.

7. *Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật* là chương trình đào tạo tập trung phát triển kiến thức lý thuyết chuyên sâu, nền tảng khoa học và năng lực nghiên cứu của người học.

8. *Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp* là chương trình đào tạo tập trung phát triển năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của người học.

9. *Chương trình đào tạo liên ngành* là chương trình đào tạo có hệ thống kiến thức, phương pháp và năng lực được tích hợp của từ 02 ngành đào tạo trở lên nhằm hình thành năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp.

10. *Chương trình đào tạo xuyên ngành* là một loại chương trình đào tạo liên ngành, được thiết kế theo cách tiếp cận vượt ra ngoài phạm vi của từng ngành riêng lẻ, tổ chức nội dung và phương thức đào tạo theo vấn đề hoặc lĩnh vực.

11. *Chương trình đào tạo song ngành* là chương trình đào tạo cho phép người học hoàn thành chuẩn đầu ra của hai ngành đào tạo.

12. *Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ* là chương trình đào tạo trong đó người học hoàn thành chuẩn đầu ra của ngành chính và tích lũy một phần khối lượng học tập của ngành khác.

13. *Ngành phù hợp* bao gồm:

a) *Ngành đúng* là ngành có tên và mã số trùng với tên và mã ngành trong Danh mục ngành đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) *Ngành có chuyên môn phù hợp* là ngành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng có nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

14. *Giảng viên toàn thời gian* là giảng viên làm việc toàn thời gian tại cơ sở giáo dục đại học, chịu sự quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật, bao gồm các trường hợp sau đây:

a) *Giảng viên cơ hữu* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) *Giảng viên đồng cơ hữu* theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và quy định của Chính phủ về giảng viên đồng cơ hữu trong cơ sở giáo dục đại học công lập;

c) *Giảng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động* không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên theo Bộ luật Lao động và không đồng thời ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác;

d) *Giảng viên người nước ngoài* làm việc toàn thời gian tại các cơ sở giáo dục đại học thành lập và hoạt động theo hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ nước ngoài.

15. *Giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu* là giảng viên được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15.

16. *Giảng viên thỉnh giảng* là giảng viên được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15.

Điều 3. Chuẩn chương trình đào tạo và nguyên tắc xây dựng, áp dụng chuẩn

1. Chuẩn chương trình đào tạo phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15; bảo đảm phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

2. Chuẩn chương trình đào tạo của từng trình độ quy định những yêu cầu chung tối thiểu áp dụng đối với tất cả chương trình đào tạo ở cùng một trình độ.

3. Chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực được xây dựng trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng; quy định các yêu cầu tối thiểu mang tính đặc thù áp dụng đối với ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

4. Chuẩn chương trình đào tạo được sử dụng làm căn cứ để:

- a) Xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo;
- b) Công khai thông tin và thực hiện trách nhiệm giải trình về chất lượng chương trình đào tạo;
- c) Giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- d) Đối sánh, tham chiếu chương trình đào tạo; hỗ trợ liên thông và công nhận kết quả học tập trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- đ) Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và các yêu cầu bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng và chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực; Trường được quy định các yêu cầu cao hơn chuẩn chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với sứ mạng, chiến lược, định hướng phát triển, định hướng đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của Trường.

3. Chương trình đào tạo phải bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, tính liên thông, tính thực tiễn và khả năng cập nhật; đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

Chương II

CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 5. Mục tiêu đào tạo

1. Phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo quy định của pháp luật và yêu cầu của từng bậc trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Thể hiện định hướng học tập, phát triển nghề nghiệp và phát triển cá nhân của người học ở từng trình độ tương ứng.

3. Phản ánh yêu cầu chung về năng lực, phẩm chất của người học sau khi tốt nghiệp; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhu cầu của thị trường lao động và lĩnh vực nghề nghiệp.

Điều 6. Yêu cầu đầu vào

1. Yêu cầu đầu vào phải phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đào tạo và mục tiêu đào tạo; bảo đảm người học có đủ năng lực để hoàn thành chương trình đào tạo và đạt chuẩn đầu ra.

2. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: người học phải tốt nghiệp đại học hoặc có văn bằng ở trình độ bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có văn bằng ở trình độ bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, yêu cầu đầu vào của chương trình và điều kiện chuyển tiếp giữa các giai đoạn đào tạo phải phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và bảo đảm đáp ứng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của từng giai đoạn.

Điều 7. Chuẩn đầu ra

1. Xác định rõ bậc trình độ cụ thể của chương trình đào tạo, đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở bậc trình độ tương ứng.

2. Thể hiện các yêu cầu về năng lực cần thiết để người học học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu của trình độ đào tạo và các yêu cầu sau:

a) Đối với trình độ đại học phải có yêu cầu về năng lực số, nội dung về trí tuệ nhân tạo (AI), năng lực ngoại ngữ, khả năng thích ứng và học tập suốt đời;

b) Đối với trình độ thạc sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển tri thức;

c) Đối với trình độ tiến sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu độc lập; đề xuất công nghệ hoặc giải pháp mới; sản phẩm công bố khoa học hoặc sản phẩm ứng dụng kết quả nghiên cứu; hướng dẫn nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo;

d) Các yêu cầu cụ thể đối với chuẩn đầu ra được quy định trong chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Được cụ thể hóa thành các yêu cầu có thể quan sát, đánh giá và đo lường được, làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xét công nhận kết quả học tập và cấp văn bằng.

4. Bảo đảm khả năng liên thông giữa các trình độ đào tạo, công nhận kết quả học tập và học tập suốt đời trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Có tính khả thi, phù hợp với khối lượng học tập, thời gian đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở đào tạo; tạo điều kiện để phần lớn người học đáp ứng yêu cầu đầu vào có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn.

Điều 8. Khối lượng học tập tối thiểu

1. Khối lượng học tập tối thiểu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học và bậc 6: 120 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7: 150 tín chỉ trở lên;

c) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: 45 tín chỉ trở lên;

d) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: 90 tín chỉ.

2. Đối với chương trình đào tạo tích hợp giữa hai trình độ liên kết, khối lượng học tập tối thiểu không thấp hơn 90% tổng khối lượng học tập tối thiểu của cả hai trình độ tương ứng; đồng thời bảo đảm mục tiêu đào tạo, yêu cầu của từng giai đoạn đào tạo và chuẩn đầu ra của từng trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Trường có hướng dẫn cụ thể về khối lượng học tập của chương trình đào tạo trong mỗi đợt xây dựng/đánh giá và cải tiến/rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo đảm bảo các quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 9. Yêu cầu về cấu trúc chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo bảo đảm:

a) Thể hiện rõ mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng;

b) Có tính hệ thống, tính liên thông, tính kế thừa và khả năng cập nhật; phù hợp với trình độ đào tạo, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Xác định rõ các thành phần học tập bắt buộc và tự chọn; bảo đảm sự linh hoạt để người học lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch và lộ trình học tập phù hợp với năng lực, nhu cầu và định hướng phát triển nghề nghiệp.

2. Mỗi học phần hoặc thành phần của chương trình đào tạo được mô tả thông qua mục tiêu, chuẩn đầu ra, số tín chỉ, nội dung chính và vai trò đóng góp trong việc thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình đào tạo bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Có khối kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm cả các môn học, học phần bắt buộc sử dụng chung trong chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học như lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các môn học khác theo quy định hiện hành;

b) Có khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, nội dung chuyên sâu và các nội dung bổ trợ bao gồm cả kiến thức liên ngành, ngoại ngữ, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các kiến thức, kỹ năng cần thiết khác nhằm đạt mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật: cấu trúc chương trình phải tăng cường các học phần, hoạt động nghiên cứu khoa học, học thuật và đổi mới sáng tạo; có khóa luận hoặc hình thức đánh giá tổng hợp tương đương;

d) Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp: cấu trúc chương trình phải tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, dự án hoặc đồ án gắn với thực tiễn nghề nghiệp.

4. Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Khối lượng thực hành, thực tập ít nhất 08 tín chỉ;

b) Tăng cường các học phần chuyên sâu, hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp hoặc hoạt động học thuật khác phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Cấu trúc chương trình phải bảo đảm tăng cường phát triển năng lực chuyên sâu của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

5. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ:

a) Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật phải dành từ 24 đến 30 tín chỉ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó luận văn có khối lượng từ 12 đến 15 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp phải dành từ 06 đến 09 tín chỉ cho hoạt động thực tập và từ 06 đến 09 tín chỉ cho đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp;

c) Cấu trúc chương trình phải bảo đảm phát triển năng lực nghiên cứu hoặc năng lực nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

6. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

a) Chương trình đào tạo tiến sĩ phải lấy hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án làm trọng tâm; khối lượng học tập của các hoạt động này chiếm ít nhất 80% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo;

b) Đối với người học có trình độ đầu vào bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tổng khối lượng học tập của các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ không vượt quá 16 tín chỉ;

c) Đối với người học có trình độ đầu vào bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tổng khối lượng học tập của các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ tối thiểu 30 tín chỉ.

7. Đối với chương trình đào tạo liên ngành hoặc xuyên ngành, cấu trúc chương trình phải bảo đảm sự tích hợp, kết nối và bổ trợ giữa các lĩnh vực, ngành hoặc nội dung chuyên môn; chuẩn đầu ra phải phản ánh năng lực liên ngành hoặc xuyên ngành.

8. Đối với chương trình đào tạo song ngành, cấu trúc chương trình phải bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của cả hai ngành đào tạo; phần khối lượng học tập riêng của từng ngành ngoài các học phần được sử dụng chung hoặc được công nhận tương đương giữa hai ngành phải có ít nhất 30 tín chỉ.

9. Đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ, cấu trúc chương trình phải bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành chính và các yêu cầu cốt lõi của ngành phụ; phần khối lượng học tập riêng của ngành phụ ngoài các học phần được sử dụng chung hoặc được công nhận tương đương với ngành chính phải có ít nhất 15 tín chỉ.

10. Đối với chương trình đào tạo có định hướng hoặc yêu cầu riêng bao gồm cả chương trình kỹ sư tài năng, chương trình cử nhân tài năng hoặc các chương trình tương ứng khác, cấu trúc chương trình phải thể hiện rõ các yêu cầu riêng về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo và hoạt động học tập.

11. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, cấu trúc chương trình phải bảo đảm tính liên thông giữa các giai đoạn hoặc trình độ đào tạo; xác định rõ yêu cầu đầu vào, điều kiện chuyển tiếp và chuẩn đầu ra của từng giai đoạn; bảo đảm chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo cuối cùng theo mục tiêu đào tạo của chương trình.

12. Trường có hướng dẫn cụ thể về cấu trúc chương trình đào tạo trong mỗi đợt xây dựng/đánh giá và cải tiến/rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo đảm bảo các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này.

Điều 10. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá

1. Phương pháp giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đặc điểm của người học; thúc đẩy năng lực tự học, học tập suốt đời, tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

2. Hoạt động kiểm tra, đánh giá phải dựa trên chuẩn đầu ra; bảo đảm đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo.

3. Phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá phải được thiết kế thống nhất, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 11. Yêu cầu về giảng viên và nhân sự hỗ trợ

1. Chương trình đào tạo phải bảo đảm có đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và trình độ đào tạo, trong đó:

a) Đội ngũ giảng viên có cơ cấu phù hợp về trình độ, chuyên môn và năng lực học thuật hoặc năng lực nghề nghiệp, đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bảo đảm tỷ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá tỷ lệ quy định cho từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo;

b) Đội ngũ nhân sự hỗ trợ kỹ thuật, quản lý đào tạo, thư viện, công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, thực hành và các vị trí hỗ trợ khác đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Giảng viên cơ hữu giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện và tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo; tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên cơ hữu trực tiếp đảm nhiệm không thấp hơn 75% đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật; không thấp hơn 65% đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp;

d) Tổng thời lượng giảng dạy của giảng viên phải phù hợp với định mức giờ chuẩn giảng dạy và số giờ giảng dạy vượt định mức theo quy định của pháp luật; trong đó chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo quy định cụ thể tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên toàn thời gian và giảng viên có trình độ tiến sĩ trực tiếp đảm nhiệm nhưng không được thấp hơn yêu cầu tối thiểu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học và chương trình đào tạo bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên; trợ giảng có trình độ đại học trở lên;
 b) Giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ trực tiếp giảng dạy ít nhất 50% tổng khối lượng học tập thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu;

c) Ngoài các quy định tại điểm a, b Khoản này, giảng viên chuyên ngành còn phải đáp ứng các quy định riêng theo Chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo tương ứng;

d) Đối với giảng viên giảng dạy học phần chuyên môn bằng tiếng Anh, ngoài quy định tại điểm a Khoản này, phải có trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương *hoặc* được đào tạo đại học/thạc sĩ/tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh và có văn bằng tốt nghiệp được công nhận theo quy định *hoặc* có bằng tốt nghiệp cử nhân Tiếng Anh/Sư phạm Tiếng Anh tại Việt Nam;

đ) Đối với giảng viên giảng dạy học phần chuyên môn bằng tiếng Trung, phải đáp ứng yêu cầu:

- Có trình độ từ thạc sĩ thuộc nhóm ngành đào tạo Kinh doanh và Quản lý trở lên;
- Có trình độ tiếng Trung tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương *hoặc* được đào tạo đại học/thạc sĩ/tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Trung và có văn bằng tốt nghiệp được công nhận theo quy định;

e) Chuyên gia tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế về nghề nghiệp phải có kinh nghiệm nghề nghiệp và thuộc các doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp có uy tín trong nước và trên thế giới.

3. Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp;

b) Giảng viên toàn thời gian trực tiếp giảng dạy ít nhất 75% khối lượng học tập thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu và các học phần ở trình độ thạc sĩ của chương trình đào tạo tích hợp.

4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Giảng viên trực tiếp giảng dạy trong chương trình đào tạo có trình độ tiến sĩ, thường xuyên tham gia đào tạo sau đại học và duy trì hoạt động nghiên cứu, công bố khoa học hằng năm;

b) Giảng viên toàn thời gian có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có chuyên môn ngành phù hợp trực tiếp giảng dạy ít nhất 35% tổng khối lượng học tập của các học phần, chuyên đề lý thuyết thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu;

c) Có đủ đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

d) Có đủ nhân sự có trình độ và chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu về Tổ đánh giá luận án tiến sĩ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Đối với chương trình đào tạo ngôn ngữ:

a) Yêu cầu về trình độ, chuyên môn của giảng viên và tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên toàn thời gian đảm nhận được quy định chi tiết tại chuẩn chương trình đào tạo ở lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành tương ứng nhưng không được thấp hơn 25% mức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Giảng viên có trình độ thạc sĩ được tham gia giảng dạy ở trình độ đại học và trình độ thạc sĩ; số lượng giảng viên thuộc trường hợp này không vượt quá 60% tổng số giảng viên tham gia giảng dạy của chương trình đào tạo.

Điều 12. Cơ sở vật chất, học liệu và môi trường học tập

1. Cơ sở vật chất, cơ sở thực hành, thực tập, trang thiết bị và môi trường học tập đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo phù hợp với trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Mỗi học phần phải có giáo trình hoặc học liệu phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung học phần và trình độ đào tạo; bảo đảm tính khoa học, tính cập nhật, tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật; không có nội dung vi phạm pháp luật, xâm hại quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; xuyên tạc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc trái với văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục.

3. Hệ thống thư viện, học liệu số, tài nguyên học tập, nền tảng công nghệ thông tin và các hệ thống hỗ trợ đào tạo phải đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; bảo đảm khả năng tiếp cận, khai thác, quản lý, lưu trữ dữ liệu và an toàn thông tin.

Chương III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH VÀ PHÊ DUYỆT TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 13. Quyền và trách nhiệm trong xây dựng chương trình đào tạo

1. Trường được tự chủ trong việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo.
2. Trường chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Yêu cầu khi xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải thuộc một ngành trong Danh mục ngành đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đối với chương trình đào tạo liên ngành,

xuyên ngành, ngành đào tạo được xác định theo ngành có tỷ trọng khối lượng học tập lớn nhất hoặc theo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình; trường hợp tỷ trọng khối lượng học tập bằng nhau thì chương trình đào tạo được xếp vào ngành đào tạo có số học phần bắt buộc chiếm ưu thế; trường hợp có số học phần bắt buộc bằng nhau thì chương trình đào tạo sẽ được xếp vào ngành đào tạo được nêu tên đầu tiên trong tên của chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo phải được xây dựng trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo tương ứng.

3. Chương trình đào tạo phải được tham khảo, đối sánh với chuẩn nghề nghiệp, chuẩn năng lực, yêu cầu hành nghề, chương trình đào tạo và các thông lệ học thuật phù hợp trong nước và quốc tế.

4. Chương trình đào tạo phải bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

5. Chương trình đào tạo phải phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển và năng lực tổ chức thực hiện của Trường.

6. Chương trình đào tạo phải có sự khác biệt phù hợp về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc hoặc định hướng đào tạo giữa các chương trình đào tạo cùng ngành.

Điều 15. Quy trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

1. **Bước 1:** Đề xuất và phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình đào tạo

a) Đơn vị đào tạo đề xuất xây dựng chương trình đào tạo với Hiệu trưởng và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (tờ trình *(theo mẫu)* được gửi qua đơn vị đầu mối).

b) Hiệu trưởng và Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức họp đánh giá và kết luận rõ có phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình đào tạo hay không. Nội dung cuộc họp được lập biên bản *(theo mẫu)*.

2. **Bước 2:** Thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là Tổ xây dựng chương trình)

a) Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Tổ xây dựng chương trình có từ 9 đến 11 thành viên, bao gồm: tổ trưởng (Hiệu trưởng), tổ phó (Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo sau đại học/đại học), thư ký và các ủy viên; và 01 thư ký hành chính).

b) Thành phần của Tổ xây dựng chương trình bắt buộc phải có:

- Đại diện đơn vị đào tạo: có trình độ thạc sĩ trở lên (đối với chương trình đào tạo đại học) hoặc có trình độ tiến sĩ (đối với chương trình đào tạo sau đại học); am hiểu về ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý ngành đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

- Đại diện chuyên gia thuộc đơn vị đầu mối và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục: có năng lực phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo

dục đại học;

- Đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan: có trình độ thạc sĩ trở lên, am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

c) Nhiệm vụ của Tổ xây dựng chương trình và các thành viên:

- Tổ xây dựng chương trình: chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu tại Điều 14 Quy định này.

- Tổ trưởng: chỉ đạo chung, tổ chức các buổi họp tư vấn, góp ý đề án xây dựng chương trình đào tạo.

- Tổ phó: phụ trách về chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ của tổ trưởng khi được ủy quyền.

- Thành viên là đại diện đơn vị đào tạo: trực tiếp tham gia xây dựng chương trình đào tạo cùng đơn vị.

- Các thành viên còn lại: chịu sự điều hành của Tổ trưởng; tham gia tư vấn, góp ý đề án xây dựng chương trình đào tạo.

3. **Bước 3:** Ban hành Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là Kế hoạch xây dựng chương trình) và thống nhất quan điểm, chỉ đạo xây dựng chương trình

a) Đơn vị đầu mối dự thảo Kế hoạch xây dựng chương trình (*bao gồm các mẫu biểu hướng dẫn kèm theo*).

b) Tổ xây dựng chương trình tổ chức họp góp ý dự thảo Kế hoạch xây dựng chương trình và thống nhất quan điểm, chỉ đạo xây dựng chương trình. Nội dung cuộc họp được lập biên bản.

c) Đơn vị đầu mối chỉnh sửa dự thảo Kế hoạch xây dựng chương trình (*nếu có*); trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch xây dựng chương trình.

4. **Bước 4:** Hội đồng khoa/Hội đồng viện của đơn vị đào tạo thống nhất triển khai xây dựng chương trình đào tạo

a) Căn cứ vào Kế hoạch xây dựng chương trình của Trường và các quan điểm, chỉ đạo của Tổ xây dựng chương trình, Hội đồng khoa/Hội đồng viện tổ chức họp, thảo luận và thống nhất về:

- Mục tiêu, nội dung, cấu trúc của chương trình đào tạo;
- Kế hoạch công việc, và tiến độ thực hiện;
- Nguồn lực thực hiện và giao nhiệm vụ cho các tập thể và cá nhân chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chương trình đào tạo.

b) Nội dung cuộc họp được lập Biên bản.

5. **Bước 5:** Đơn vị đào tạo dựng dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

a) Thu thập, phân tích các căn cứ pháp lý và thực tiễn, bao gồm: văn bản pháp luật liên quan; chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế (*đã được kiểm định*); nhu cầu và xu hướng chuyển dịch của thị

trường lao động;...

b) Xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo; tham khảo ý kiến chuyên gia để xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra (*theo mẫu*).

c) Dựa vào dự thảo chuẩn đầu ra, tham khảo ý kiến chuyên gia để xây dựng dự thảo chương trình đào tạo (*theo mẫu*).

6. Bước 6: Đơn vị đào tạo tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

a) Lập kế hoạch khảo sát; xác định các đối tượng khảo sát và thiết kế phiếu khảo sát phù hợp với các đối tượng khảo sát và những thông tin cần biết về chuẩn đầu ra và về chương trình đào tạo (*theo mẫu*); tổ chức thảo luận về các công việc cần làm để thu thập thông tin; tiến hành khảo sát thử và điều chỉnh phiếu khảo sát.

b) Thực hiện khảo sát, đảm bảo thu thập đầy đủ thông tin từ các nhóm đối tượng khác nhau (giảng viên, nhà khoa học; chuyên gia phát triển chương trình đào tạo, quản lý đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục; đại diện đơn vị sử dụng lao động; hiệp hội nghề nghiệp; người học và cựu người học,...).

c) Tập hợp và xử lý số liệu thu được: Đối với các dữ liệu định lượng, lập bảng biểu và xử lý kết quả; thực hiện các thống kê mô tả, tần suất và tính toán độ tin cậy của các câu trả lời và xử lý thông tin. Đối với các dữ liệu định tính, đọc tất cả các câu trả lời; sắp xếp thành những nhóm tương đồng; phân loại nhóm theo tiêu chí; xác định các câu trả lời điển hình hoặc mối liên hệ của các câu trả lời trong mỗi nhóm.

7. Bước 7: Đơn vị đào tạo hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Căn cứ thông tin thu được ở bước 6, kết hợp với việc đối chiếu, so sánh với chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế (đã được kiểm định) (*theo mẫu*), đơn vị đào tạo hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

8. Bước 8: Xây dựng đề cương học phần và ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Căn cứ vào dự thảo chương trình đào tạo, trường đơn vị đào tạo phối hợp với đơn vị quản lý học phần xây dựng đề cương học phần (*theo mẫu*).

b) Hội đồng khoa/Hội đồng viện của đơn vị đào tạo họp thảo luận xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (*theo mẫu*).

9. Bước 9: Trường tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan

a) Chuẩn bị tổ chức Hội thảo

- Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban tổ chức

Hội thảo.

- Đơn vị đầu mối dự thảo kế hoạch, nội dung chương trình tổ chức Hội thảo thông qua Ban tổ chức Hội thảo.

- Đơn vị đào tạo chuẩn bị dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho Hội thảo.

- Đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các công việc chuẩn bị tổ chức Hội thảo theo Kế hoạch tổ chức Hội thảo đã được phê duyệt.

b) Tổ chức Hội thảo

- Đơn vị đầu mối được Trường giao nhiệm vụ hỗ trợ Ban tổ chức triển khai phiên toàn thể của Hội thảo theo đúng kế hoạch.

- Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức phiên chuyên đề, triển khai các nội dung theo kế hoạch: giới thiệu dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo; tổ chức thảo luận, lấy ý kiến của đại diện các bên tham dự đối với dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo; thảo luận về phương án triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Nội dung Hội thảo được lập biên bản kèm theo các ý kiến góp ý bằng văn bản của đại biểu tham dự đối với chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (*theo mẫu*).

10. Bước 10: Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

a) Thành phần thẩm định

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thực hiện thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; các thành viên của đơn vị đào tạo trực tiếp tham gia xây dựng chương trình đào tạo không tham gia thẩm định; Chủ tịch Hội đồng có thể mời chuyên gia, nhà khoa học, nhà tuyển dụng hoặc thành phần phù hợp khác tham gia thẩm định (*nếu cần*).

- b) Thành viên tham gia thẩm định phải có chuyên môn phù hợp, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học hoặc thực tiễn nghề nghiệp liên quan.

- c) Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo cử 2-3 thành viên trong Hội đồng là ủy viên phản biện.

- d) Nội dung thẩm định chương trình đào tạo bao gồm:

- Việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 14;
- Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Tính khả thi trong tổ chức thực hiện và khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng;
- Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực đào tạo.

Nội dung họp thẩm định được lập biên bản (*theo mẫu*).

11. Bước 11: Hợp Tổ xây dựng chương trình góp ý, thống nhất tiếp thu ý kiến

góp ý của các bên và Hội đồng thẩm định

a) Tổ xây dựng chương trình góp ý bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, đề cương các học phần trong chương trình đào tạo, ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

b) Tổ xây dựng chương trình thống nhất tiếp thu ý kiến góp ý của các bên và Hội đồng thẩm định, làm căn cứ để đơn vị đào tạo hoàn thiện hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo.

c) Nội dung cuộc họp được lập biên bản.

12. Bước 12: Đơn vị đào tạo hoàn thiện hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo

a) Đơn vị đào tạo tổ chức hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, đề cương các học phần trong chương trình đào tạo, ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo góp ý, lập biên bản giải trình tiếp thu ý kiến sau thẩm định (*theo mẫu*) và nộp hồ sơ (*theo mẫu*) về đơn vị đầu mối theo đúng quy định.

b) Đơn vị đầu mối rà soát hồ sơ, hướng dẫn đơn vị đào tạo hoàn thiện thể thức hồ sơ đảm bảo đúng quy định.

Điều 16. Ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai chương trình đào tạo

1. Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng ban hành quyết định ban hành chương trình đào tạo.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành chương trình đào tạo, Trường giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Phòng Truyền thông và Tuyển sinh cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học;

b) Công khai chương trình đào tạo trên cổng thông tin điện tử của Trường trong suốt thời gian chương trình đào tạo còn hiệu lực.

Điều 17. Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học

1. Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là Tổ xây dựng chương trình đào tạo cấp chứng chỉ). Thành phần của Tổ xây dựng chương trình đào tạo cấp chứng chỉ do Hiệu trưởng quyết định.

2. Tổ xây dựng chương trình đào tạo cấp chứng chỉ có trách nhiệm tham vấn cho Hiệu trưởng về chương trình đào tạo cấp chứng chỉ.

3. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được thiết kế độc lập hoặc tích hợp từ một hoặc một số thành phần của chương trình đào tạo cấp văn bằng nhằm hình thành, cập nhật hoặc nâng cao năng lực của người học;

b) Xác định rõ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, khối lượng học tập và phương thức đánh giá;

c) Bảo đảm khả năng tích lũy, công nhận hoặc chuyển đổi kết quả học tập theo quy định của Trường.

4. Căn cứ vào tham vấn của Tổ xây dựng chương trình đào tạo cấp chứng chỉ, Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định ban hành Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học.

Chương IV

PHÊ DUYỆT TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 18. Rà soát, đánh giá năng lực bảo đảm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Trường phải thực hiện rà soát, đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng theo Quy định này và chuẩn chương trình đào tạo tương ứng trước khi quyết định hoặc đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Hiệu trưởng tổ chức việc rà soát, đánh giá trước khi quyết định hoặc đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; việc rà soát được thực hiện bởi đơn vị đầu mối được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về kết quả rà soát.

3. Nội dung rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bao gồm:

a) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng quy định tại Chương II của Quy định này và chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo;

b) Việc đáp ứng các yêu cầu đặc thù đối với ngành, lĩnh vực và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

4. Kết quả rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo là căn cứ để Hiệu trưởng:

a) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt tổ chức thực hiện đối với các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền quy định của Bộ trưởng;

b) Quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện đối với các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền quy định của Hiệu trưởng.

Điều 19. Phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ thuộc các ngành đào tạo lĩnh vực pháp luật;

b) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường chưa đáp ứng yêu cầu của Quy định này.

2. Chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp xem xét yêu cầu chuyên môn.

3. Đơn vị đầu mối phối hợp với đơn vị đào tạo chuẩn bị hồ sơ đề nghị phê duyệt, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

b) Dữ liệu, tài liệu và minh chứng phục vụ việc rà soát bao gồm: chương trình đào tạo, báo cáo thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo, báo cáo kết quả rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tại Quy định này.

4. Đơn vị đầu mối nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và Công dịch vụ công quốc gia.

5. Thời hạn giải quyết kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định:

a) Không quá 45 ngày đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật;

b) Không quá 30 ngày đối với các chương trình đào tạo khác.

6. Trường hợp dữ liệu, tài liệu, minh chứng chưa đầy đủ hoặc chưa đủ căn cứ xác định Trường đáp ứng các yêu cầu để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, hồ sơ sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn trả về Trường với lý do kèm theo.

7. Đối với hồ sơ đủ căn cứ xác định Trường đáp ứng các yêu cầu để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo Quy định này, sẽ được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cập nhật trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, đồng thời công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 20. Phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc phạm vi cấp phép hoạt động giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quy định này.

2. Đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ mới thuộc các ngành và trình độ đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện trước ngày Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 có hiệu lực thi hành, trừ các chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 19 của Quy

định này, Hiệu trưởng quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện khi Trường bảo đảm đầy đủ các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng các tiêu chí của cơ sở đào tạo tiến sĩ theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Nhóm ngành đào tạo có ít nhất 15 giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ngành có chuyên môn phù hợp; trong đó có tối thiểu 25% có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư được xác định tại ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm tổ chức đào tạo và phải được duy trì trong suốt quá trình tổ chức đào tạo;

c) Đơn vị cấp Khoa/Viện của nhóm ngành đào tạo đã có ít nhất 05 nghiên cứu sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ đúng hạn theo thời gian học tập chuẩn; đối với lĩnh vực ngôn ngữ, đã có ít nhất 02 nghiên cứu sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ đúng hạn theo thời gian học tập chuẩn và được cấp bằng trong vòng 05 năm gần nhất.

3. Hiệu trưởng ban hành và tổ chức thực hiện quy trình nội bộ về xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, rà soát và cải tiến chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền theo Quy định này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN; DUY TRÌ, TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN; GIÁM SÁT VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 21. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Trường tổ chức tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo theo quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của cấp có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng đào tạo.

2. Việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được quản lý theo nguyên tắc hậu kiểm, gắn với trách nhiệm giải trình trên cơ sở:

- a) Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo;
- b) Việc duy trì, vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong;
- c) Dữ liệu, tài liệu và minh chứng được cập nhật đầy đủ, chính xác trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và được công khai theo quy định;
- d) Kết quả kiểm định chất lượng Trường hoặc chương trình đào tạo (nếu có).

3. Trường hợp tổ chức đào tạo theo phương thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, Trường phải bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và chất lượng tương đương với hình thức đào tạo trực tiếp theo quy định của pháp luật.

4. Trường không được tổ chức thực hiện chương trình đào tạo mới thuộc cùng ngành đào tạo với chương trình đào tạo đang bị đình chỉ tuyển sinh hoặc đình chỉ hoạt động đào tạo trong thời gian quyết định đình chỉ còn hiệu lực.

5. Trường có trách nhiệm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về quản lý đào tạo và bảo đảm chất lượng;

b) Bảo đảm có đơn vị chuyên môn quản lý điều hành và nhân sự hỗ trợ phù hợp với quy mô, phương thức tổ chức đào tạo;

c) Thực hiện công khai, cập nhật và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu và minh chứng của chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo xem xét chấm dứt hiệu lực quyết định phê duyệt sau khi kiểm tra, xác minh, yêu cầu Trường giải trình và xây dựng phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học trong các trường hợp sau đây:

a) Trường không tổ chức tuyển sinh hoặc dừng tuyển sinh trong thời hạn 03 năm liên tục;

b) Quy mô đào tạo của chương trình trong 03 năm liên tiếp mỗi năm giảm trên 30%, trừ trường hợp việc giảm quy mô phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

7. Trường hợp quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bị chấm dứt hiệu lực theo khoản 6 Điều này thì Trường không được tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo; nếu Trường có nhu cầu tổ chức thực hiện trở lại thì chương trình đào tạo phải được phê duyệt theo Quy định này.

Điều 22. Duy trì, tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

1. Trường thực hiện tự đánh giá thường xuyên và định kỳ chương trình đào tạo thông qua hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, bao gồm việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

2. Việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá là căn cứ để cải tiến hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và chương trình đào tạo.

3. Thời gian rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo được quy định như sau:

a) Đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ ít nhất sau mỗi 02 khóa có người học tốt nghiệp.

b) Ngoài quy định tại điểm a Khoản này, Trường có thể thực hiện rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo yêu cầu phát triển và bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo.

4. Căn cứ kết quả tự đánh giá, đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra và rà soát chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo, Trường giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

6. Hiệu trưởng ban hành quy định nội bộ và tổ chức thực hiện hoạt động tự đánh giá, đo lường chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo phù hợp với Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đặc thù của Trường.

Điều 23. Quy trình đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ; thẩm định, ban hành, cập nhật và công khai chương trình đào tạo

1. Bước 1: Đề xuất đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22, đơn vị đầu mối đề xuất đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ với Hiệu trưởng.

2. Bước 2: Thành lập Tổ đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ (*thực hiện tương tự khoản 2 Điều 15 của Quy định này*).

3. Bước 3: Ban hành Kế hoạch đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ và thống nhất quan điểm, chỉ đạo đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 3 Điều 15 của Quy định này*).

4. Bước 4: Hội đồng khoa/Hội đồng viện của đơn vị đào tạo thống nhất triển khai đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ (*thực hiện tương tự khoản 4 Điều 15 của Quy định này*).

5. Bước 5: Đơn vị đào tạo dự thảo sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

a) Ngoài các căn cứ như quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 của Quy định này, đơn vị đào tạo cần căn cứ vào khuyến cáo của đoàn đánh giá ngoài trong đợt kiểm định chương trình đào tạo.

b) Các nội dung còn lại thực hiện tương tự khoản 5 Điều 15 của Quy định này.

6. Bước 6: Đơn vị đào tạo tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 6 Điều 15 của Quy định này*).

7. Bước 7: Đơn vị đào tạo hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 7 Điều 15 của Quy định này*).

8. Bước 8: Xây dựng/sửa đổi, bổ sung đề cương học phần và sửa đổi, bổ sung ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 8 Điều 15 của Quy định này*).

9. Bước 9: Đơn vị đào tạo tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của đại diện các bên tham dự đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Nội dung Hội thảo được lập biên bản kèm theo các ý kiến góp ý bằng văn bản của đại biểu tham dự đối với chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (*theo mẫu*).

10. Bước 10: Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

a) Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định có 05 thành viên thuộc Trường, gồm: chủ tịch (Ban Giám

hiệu), thư ký (đại diện đơn vị đầu mối), 02 ủy viên phản biện (đại diện đơn vị đầu mối và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) và 01 ủy viên (chuyên gia có năng lực phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và/hoặc giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo).

b) Trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định chỉ họp khi có mặt của 4/5 số thành viên của Hội đồng (bao gồm chủ tịch, thư ký và tối thiểu 01 ủy viên phản biện). Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được ghi vào biên bản có hiệu lực khi 3/5 số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý (*theo mẫu*).

c) Nội dung thẩm định chương trình đào tạo bao gồm:

- Việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 14;
- Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Tính khả thi trong tổ chức thực hiện và khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng;
- Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực đào tạo.

Nội dung họp thẩm định được lập biên bản (*theo mẫu*).

11. **Bước 11:** Đơn vị đào tạo hoàn thiện hồ sơ đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ (*thực hiện tương tự khoản 12 Điều 15 của Quy định này*).

12. **Bước 12:** Ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai chương trình đào tạo

Việc ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai chương trình đào tạo được thực hiện tương tự Điều 16 Quy định này.

Điều 24. Quy trình rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo; thẩm định, ban hành, cập nhật và công khai chương trình đào tạo

1. **Bước 1:** Đề xuất rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo

Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22, đơn vị đầu mối đề xuất rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo với Hiệu trưởng.

2. **Bước 2:** Thành lập Tổ rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo

a) Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Tổ rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo, bao gồm: tổ trưởng, tổ phó, thư ký và các ủy viên; và 01 thư ký hành chính.

b) Thành phần, nhiệm vụ của Tổ rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo tương tự như Tổ xây dựng chương trình đào tạo được quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này (*trừ đại diện đơn vị sử dụng lao động*).

3. **Bước 3:** Ban hành Kế hoạch rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo; thống nhất quan điểm, chỉ đạo rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự như khoản 3 Điều 15 Quy định này*).

4. **Bước 4:** Hội đồng khoa/Hội đồng viện thống nhất triển khai rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự như khoản 4 Điều 15 Quy định này*).

5. **Bước 5:** Đơn vị đào tạo dự thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung

a) Ngoài các căn cứ như quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 của Quy định này, đơn vị đào tạo cần căn cứ vào kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường.

b) Các nội dung còn lại thực hiện tương tự khoản 5 Điều 15 của Quy định này.

6. **Bước 6:** Xây dựng/sửa đổi, bổ sung đề cương học phần và sửa đổi, bổ sung ma trận đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 8 Điều 15 của Quy định này*).

7. **Bước 7:** Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

a) Đơn vị đầu mối trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định có 05 thành viên thuộc Trường, gồm: chủ tịch (Ban Giám hiệu), thư ký (đại diện đơn vị đầu mối), 02 ủy viên phản biện (đại diện đơn vị đầu mối và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) và 01 ủy viên (chuyên gia có năng lực phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và/hoặc giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo).

b) Trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định chỉ họp khi có mặt của 4/5 số thành viên của Hội đồng (bao gồm chủ tịch, thư ký và tối thiểu 01 ủy viên phản biện). Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được ghi vào biên bản có hiệu lực khi 3/5 số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý (*theo mẫu*).

c) Nội dung thẩm định chương trình đào tạo bao gồm:

- Việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 14;
- Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Tính khả thi trong tổ chức thực hiện và khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng;
- Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực đào tạo.

Nội dung họp thẩm định được lập biên bản (*theo mẫu*).

8. **Bước 8:** Đơn vị đào tạo hoàn thiện hồ sơ rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (*thực hiện tương tự khoản 12 Điều 15 của Quy định này*).

9. **Bước 9:** Ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai chương trình đào tạo

Việc ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai chương trình đào tạo được thực hiện tương tự Điều 16 Quy định này.

Điều 25. Giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Trường có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; kịp thời phát hiện và khắc phục các hạn chế, vi phạm trong quá trình đào tạo.

2. Trường hợp chương trình đào tạo không còn đáp ứng Quy định này hoặc các yêu cầu bảo đảm chất lượng đã được rà soát, đánh giá theo quy định tại Điều 18 của Quy định này, Trường phải kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn không quá 01 học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình đào tạo.

3. Trường hợp không bảo đảm điều kiện để tiếp tục tổ chức đào tạo, Trường phải tạm dừng tuyển sinh hoặc thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của Trường chịu sự giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, hoạt động kiểm tra và các hình thức giám sát khác theo quy định của pháp luật; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐÌNH CHỈ TUYỂN SINH, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ CHẤM DỨT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 26. Các trường hợp đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo của Trường sẽ bị Bộ Giáo dục và Đào tạo đình chỉ tuyển sinh (dừng tuyển sinh các khóa mới) trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì việc đáp ứng các yêu cầu về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học liệu, chương trình đào tạo và các yêu cầu bảo đảm chất lượng khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cập nhật dữ liệu, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định;

c) Không thực hiện yêu cầu khắc phục sau giám sát, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn được yêu cầu;

d) Trường hợp khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Chương trình đào tạo của Trường sẽ bị Bộ Giáo dục và Đào tạo đình chỉ hoạt động đào tạo (dừng tổ chức đào tạo) trong các trường hợp sau đây:

a) Không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ tuyển sinh trong thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không còn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu để duy trì hoạt động đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Việc tiếp tục tổ chức đào tạo có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người học;

d) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc quyết định phải đình chỉ hoạt động đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. Chương trình đào tạo của Trường sẽ bị chấm dứt thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức thực hiện khi chưa được phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có hành vi gian lận, giả mạo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu, minh chứng không trung thực trong quá trình phê duyệt hoặc tổ chức thực hiện;

c) Tái phạm hành vi vi phạm đã dẫn đến bị đình chỉ hoạt động đào tạo;

d) Vi phạm nghiêm trọng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người học;

đ) Trường hợp buộc phải chấm dứt thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Thời hạn đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo, chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo và phương án xử lý

1. Thời hạn đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo không quá 12 tháng. Trong thời gian chương trình đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc bị chấm dứt thực hiện, Trường có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học theo quy định của pháp luật.

2. Chương trình đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo được tiếp tục tổ chức thực hiện khi Trường đã khắc phục đầy đủ nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ chậm nhất đến thời điểm kết thúc thời hạn đình chỉ và được xác định thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Việc đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo được thực hiện như sau:

a) Trường có trách nhiệm chủ động dừng tuyển sinh, dừng hoạt động đào tạo khi không còn đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học;

b) Trường hợp Trường không thực hiện quy định tại điểm a Khoản này thì cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật quyết định đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo.

4. Trường có trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều này và báo cáo cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn thành việc khắc phục. Cơ quan có thẩm

quyền thực hiện giám sát, kiểm tra việc khắc phục; trường hợp Trường không khắc phục, khắc phục không đầy đủ hoặc tiếp tục vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo; kết quả giám sát, kiểm tra; kết quả xác nhận việc khắc phục nguyên nhân dẫn đến đình chỉ và quyết định xử lý vi phạm (nếu có) được công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền và Trường theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bị chấm dứt thực hiện, chương trình đào tạo chỉ được tổ chức thực hiện trở lại sau khi được phê duyệt theo quy định tại Điều 19 hoặc Điều 20 của Quy định này.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Điều 28. Chế độ báo cáo

1. Trường giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối phối hợp với đơn vị đào tạo:

- a) Thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm;
- b) Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c) Phối hợp với Phòng Truyền thông và Tuyển sinh cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu về chương trình đào tạo trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo quy định.

2. Báo cáo, cập nhật định kỳ hằng năm được thực hiện trước ngày 31 tháng 12 trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

3. Nội dung báo cáo bao gồm:

- a) Thông tin pháp lý và tình trạng hoạt động của chương trình đào tạo;
- b) Chương trình đào tạo và các thay đổi, cập nhật (nếu có);
- c) Yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định của Quy định này;
- d) Kết quả tự đánh giá, kiểm định, cải tiến chương trình đào tạo.

Điều 29. Chế độ công khai và trách nhiệm giải trình

1. Trường giao nhiệm vụ cho các đơn vị đầu mối và đơn vị đào tạo có trách nhiệm công khai, duy trì và cập nhật thường xuyên trên cổng thông tin điện tử của mình các thông tin về chương trình đào tạo bao gồm những nội dung sau đây:

- a) Mục tiêu, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình đào tạo;
- b) Yêu cầu bảo đảm chất lượng;
- c) Thông tin tuyển sinh và yêu cầu đầu vào;
- d) Kết quả đào tạo (tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian hoàn thành);
- đ) Thông tin việc làm và phản hồi của người học sau tốt nghiệp;
- e) Kế hoạch học tập toàn khóa học;
- g) Học phí và các khoản thu liên quan (nếu có).

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được công khai trước khi tổ chức tuyển sinh và được cập nhật khi có thay đổi.

3. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và giám sát dữ liệu chương trình đào tạo; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời của thông tin báo cáo, thông tin công khai; thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quy định này thay thế các Quy định liên quan đến phát triển chương trình đào tạo được Hiệu trưởng ban hành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường được tiếp tục tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo thuộc các ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Riêng đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được xây dựng, ban hành sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì việc phê duyệt tổ chức thực hiện phải tuân thủ Quy định này.

2. Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, Trường có trách nhiệm rà soát toàn diện và hoàn thiện các chương trình đào tạo đang tổ chức thực hiện để bảo đảm đáp ứng quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm cả việc rà soát, cập nhật giáo trình, tài liệu giảng dạy, đội ngũ giảng viên, học liệu phù hợp với mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình đào tạo.

Trường hợp giáo trình, tài liệu giảng dạy, học liệu không còn đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo hoặc có nội dung vi phạm pháp luật thì phải được kịp thời rà soát, cập nhật, thay thế hoặc dừng sử dụng.

3. Các quyết định ban hành chuẩn chương trình đào tạo có yêu cầu riêng hoặc theo định hướng đào tạo cụ thể do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. Sau thời hạn này, việc áp dụng được thực hiện theo quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

4. Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, việc xây dựng, ban hành chương trình đào tạo phải đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng quy định tại Chương II của Quy định này. Trường có trách nhiệm rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trong

thời hạn không quá 24 tháng kể từ ngày chuẩn chương trình đào tạo của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng có hiệu lực thi hành.

5. Người học đã nhập học trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 được tiếp tục học tập theo chương trình đào tạo áp dụng tại thời điểm nhập học. Việc áp dụng chương trình đào tạo đã được rà soát, cập nhật quy định tại Điều này phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Phòng Quản lý đào tạo

a) Là đơn vị đầu mối tham mưu cho Ban Giám hiệu công tác xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học;

b) Lập kế hoạch; cung cấp tài liệu và mẫu biểu cần thiết; hướng dẫn các đơn vị đào tạo thực hiện thủ tục, quy trình xây dựng/đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học;

c) Rà soát hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo/đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học;

d) Đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai công việc theo kế hoạch;

đ) Chịu trách nhiệm báo cáo Vụ Giáo dục Đại học, lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin của tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học trên website của Trường theo Quy định này và các văn bản pháp luật liên quan;

e) Cập nhật dữ liệu về ngành đào tạo, chương trình đào tạo trình độ đại học lên phần mềm Quản lý đào tạo của Trường;

g) Là đơn vị đầu mối tổ chức xây dựng quy định/hướng dẫn đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học.

h) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai quá trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của Trường.

2. Viện Đào tạo Sau đại học

a) Là đơn vị đầu mối tham mưu cho Ban Giám hiệu công tác xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

b) Lập kế hoạch; cung cấp tài liệu và mẫu biểu cần thiết; hướng dẫn các đơn vị đào tạo thực hiện thủ tục, quy trình xây dựng/đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

c) Rà soát hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo/đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

d) Đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai công việc theo kế hoạch;

đ) Chịu trách nhiệm báo cáo Vụ Giáo dục Đại học, lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin của tất cả các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trên website của Trường theo Quy định này và các văn bản pháp luật liên quan;

e) Cập nhật dữ liệu về ngành đào tạo, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

sĩ lên phần mềm Quản lý đào tạo của Trường;

g) Là đơn vị đầu mối tổ chức xây dựng quy định/hướng dẫn đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

h) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai quá trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định của Trường.

3. Viện Đào tạo quốc tế

a) Phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tham mưu cho Ban Giám hiệu công tác xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo tiên tiến trình độ đại học;

b) Phối hợp với Khoa/Viện quản lý chuyên ngành xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo tiên tiến trình độ đại học;

c) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Khoa, Viện quản lý ngành đào tạo/chương trình đào tạo

a) Phối hợp cùng đơn vị đầu mối và các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm trực tiếp xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo quy định;

b) Phối hợp với các đơn vị đầu mối cung cấp dữ liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin của tất cả các chương trình đào tạo do Khoa/Viện quản lý trên website của đơn vị theo quy định;

c) Xây dựng đề cương các học phần được phân công quản lý, phân công giảng viên giảng dạy/quản lý học phần và đảm bảo các quy định khảo thí hiện hành.

5. Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao, các bộ môn

a) Xây dựng đề cương các học phần được phân công quản lý; lấy xác nhận của Thư viện đối với danh mục tài liệu tham khảo của học phần theo quy định;

b) Phân công giảng viên giảng dạy học phần theo đúng quy định;

c) Đảm bảo các quy định khảo thí hiện hành.

6. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Tổ chức hoạt động khảo thí theo quyết định ban hành bộ đề cương học phần trong chương trình đào tạo.

b) Là đơn vị đầu mối triển khai tự đánh giá thường xuyên và định kỳ chương trình đào tạo thông qua hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, bao gồm việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; gửi kết quả tự đánh giá thường xuyên và định kỳ chương trình đào tạo về đơn vị đầu mối và đơn vị đào tạo để làm căn cứ lên kế hoạch và triển khai cải tiến/rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo.

c) Là đơn vị đầu mối tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành; chuyển báo cáo của đoàn đánh giá ngoài về đơn vị đầu mối/Viện Đào tạo quốc tế và các đơn vị đào tạo.

7. Phòng Truyền thông và Tuyển sinh

a) Phối hợp với các đơn vị đầu mối cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu về chương trình đào tạo trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định chương trình đào tạo.

b) Báo cáo, cập nhật định kỳ hằng năm được thực hiện trước ngày 31 tháng 12 trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

8. Thư viện

a) Rà soát danh mục tài liệu tham khảo của các học phần theo đề xuất của các bộ môn, xác nhận danh mục tài liệu tham khảo để phục vụ xây dựng và rà soát đề cương chi tiết học phần;

b) Công khai đề cương học phần và bài giảng điện tử theo Quy định này;

c) Phối hợp với các đơn vị đào tạo đề xuất Trường bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu quốc tế.

9. Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát nội bộ việc thực hiện xây dựng, cải tiến và đánh giá chương trình đào tạo, việc thực hiện cam kết bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; kịp thời phát hiện các hạn chế, vi phạm trong quá trình đào tạo.

c) Giám sát dữ liệu chương trình đào tạo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời của thông tin báo cáo, thông tin công khai theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo Ban Giám hiệu (qua đơn vị đầu mối) để kịp thời giải quyết./.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng